

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH SƠN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày 03/3/2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đô.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Quốc Thìn;
2. Bà Phạm Thị Lan.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trương Quang Bình, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2020/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/02/2021 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Lê Thanh H, sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Quảng Ngãi.

*2. Bị đơn:* Bà Đặng Thị L, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm E, thôn F, xã I, huyện H, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*\* Tại đơn khởi kiện ngày 21/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Lê Thanh H (sau đây viết tắt là ông H) trình bày:*

Ông và bà Đặng Thị L (sau đây viết tắt là bà L) chung sống như vợ chồng từ năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, giữa ông và bà L phát sinh nhiều mâu thuẫn do bà L thiếu tôn trọng và có nhiều lời nói xúc phạm ông, thường so sánh ông về mọi mặt với những người đàn ông khác, không chăm lo và quan tâm chăm sóc cho ông; tháng 12/2019 ông phát hiện bà L có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn.

Từ tháng 5/2020, ông và bà L không còn chung sống với nhau, không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Vì tình cảm không còn, không thể đoàn tụ chung sống nên ông yêu cầu được ly hôn bà L.

Ông và bà L có 02 người con là chị Lê Thị Mỹ H1, sinh năm 1993 và anh Lê Thanh Tr, sinh năm 1997; hiện các con đã thành niên, có khả năng tự chăm sóc bản thân và đã có việc làm, thu nhập nên ông không có yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

*\* Tại bản tự khai ngày 26/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Đặng Thị L trình bày:*

Bà thừa nhận nội dung trình bày của ông Lê Thanh H về việc chung sống nhưng không đăng ký kết hôn và con chung giữa bà và ông H là đúng; quá trình chung sống, giữa bà và ông H có xảy ra mâu thuẫn nhưng việc ông H cho rằng bà có quan hệ ngoại tình, thiếu tôn trọng ông H là không đúng thực tế vì ông H thường nghi ngờ vô cớ, suy đoán điều không tốt về bà; nguyên nhân chủ yếu dẫn đến mâu thuẫn là do ông H có quan hệ ngoại tình với nhiều người phụ nữ khác và không đóng góp tiền bạc chi tiêu cho gia đình; mặc dù bà đã nhiều lần khuyên nhủ, tha thứ nhưng ông H không hề thay đổi và gần đây nhất ông H tiếp tục có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, bị bà bắt quả tang; đến tháng 5/2020, bà và ông H không còn chung sống, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau.

Do ông bà không có đăng ký kết hôn, không có khả năng duy trì cuộc sống chung nên bà đồng ý chấm dứt việc chung sống như vợ chồng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà và ông H có 02 người con là chị Lê Thị Mỹ H1, sinh năm 1993 và Lê Thanh Tr, sinh năm 1997; hiện các con đã thành niên, có khả năng tự chăm sóc bản thân và đã có việc làm, thu nhập nên bà không có yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

*\* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục phiên tòa. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng của ông Lê Thanh H và bà Đặng Thị L; ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Theo lời trình bày của các đương sự và kết quả xác minh của Tòa án, có đủ cơ sở để xác định ông H và bà L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng ông bà chỉ làm tờ khai đăng ký kết hôn, chưa đăng ký vào sổ đăng ký kết hôn và chưa

được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông H và bà L.

[2.2] Về con chung:

Ông H và bà L có 02 (hai) con chung là chị Lê Thị Mỹ H1, sinh năm 1993 và anh Lê Thanh Tr, sinh năm 1997; hiện chị H1 và anh Tr đã thành niên, có khả năng tự chăm sóc bản thân và đã có việc làm, thu nhập nên ông H, bà L không có yêu cầu gì về con chung, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề con chung.

[2.3] Ông H và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Ông H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo các Điều 147, 150 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; các Điều 147, 150, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Thanh H và bà Đặng Thị L.

2. Ông Lê Thanh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà ông Lê Thanh H đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0000926 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- CCTHADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Đô**